

Số: 2045/QĐ-XHNV

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV-TC, ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT/BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6581/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/12/2025 của ĐHQGHN về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/3/2026 của ĐHQGHN về việc giao dự toán chi đào tạo LHS Lào và Campuchia năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho quyết định số 1028/QĐ/XHNV ngày 27 tháng 2 năm 2026.

Điều 3. Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (Ban TC&ĐT);
- Lưu: VT, KHTC, P3.

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN

HIỆU TRƯỞNG

Gs.Ts Hoàng Anh Tuấn

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số ~~2045~~ **2045**/QĐ-XHNV ngày ~~16~~ **16** tháng ~~4~~ **4** năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
	a Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	b Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	b Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	96.521.492.012
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.692.607.300
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, ĐHQG	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
	- Số dư dự toán 2025 mang sang	57.500.000

TT	Nội dung	Dự toán được giao
	-Số dư tạm ứng 2025 mang sang	3.635.107.300
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	92.828.884.712
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	57.905.284.712
	Dự toán 2025 mang sang	39.784.712
	Số dư tạm ứng 2025 mang sang	1.834.500.000
	Dự toán cấp	56.031.000.000
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.134.000.000
	Dự toán 2025 mang sang	1.134.000.000
3.3	Kinh phí không thường xuyên	30.610.000.000
3.4	Kinh phí đào tạo LHS Lào	3.179.600.000.
3.5	Kinh phí vốn viện trợ	
	Dự toán 2025 mang sang	
	Dự toán cấp 2026	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



Handwritten signature or mark.

TT	Nội dung	Dự toán được giao
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	

N

